TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 964/2025/DS-ST
Ngày: 08-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm;

2. Ông Trần Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Mai, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1533/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đỗ Hồng P, sinh năm: 2000; Địa chỉ: 154/73/4 Âu Dương Lân, Phường B, Quận T, Thành phố H (nay là số 154/73/4 Âu Dương Lân, phường CH, Thành phố H).

- Bị đơn: bà Đặng Thị Duy N, sinh năm: 1996; Địa chỉ: 106/38 Đỗ Năng Tế, phường ALA, quận BT, Thành phố H (nay là số 106/38 Đỗ Năng Tế, phường AL, Thành phố H).

Ông Đỗ Hồng P có đơn đề nghị vắng mặt. Bà Đặng Thị Duy N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 của nguyên đơn và bản tự khai tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn ông Đỗ Hồng P trình bày: ông và bà Đặng Thị Duy N là bạn bè thân thiết. Trong quá trình là bạn, bà Ng nhiều lần hỏi mượn tiền ông. Ngày 27/02/2024 ông cho bà N mượn 20.000.000 đồng, ông chuyển tiền cho bà N mượn vào số tài khoản 19037779753011 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), chủ tài khoản Đặng Thị Duy N. Ngày 03/4/2024 bà N mượn tiếp ông số tiền 24.000.000 đồng và yêu cầu ông chuyển vào số tài khoản của em gái bà Ng là Cake Đặng Thị Ngọc Th. Ngày 09/6/2024 bà Ng gọi cho ông và mượn tiếp số tiền 27.000.000 đồng, ngày 10/6/2024 ông chuyển tiền cho bà Ng mượn tiền vào số tài khoản 19037779753011 tại Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), chủ tài khoản Đặng Thị Duy N. Ngoài ra ông còn cho bà Ng mượn tiền mặt là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền bà Ng mượn ông là 72.500.000 đồng. Bà Ng đã trả cho ông hai lần bằng phương thức chuyển khoản mỗi lần 5.000.000 đồng. Nhiều lần ông yêu cầu bà Ng trả số tiền còn nợ nhưng bà Ng không trả. Ngày 05/11/2024 ông đã gửi thông báo đòi nợ cho bà Ng nhưng đến nay bà Ng vẫn chưa trả nợ cho ông. Tổng số tiền bà Ng còn nợ ông là 62.500.000 đồng, tuy nhiên nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Ng trả cho ông số tiền nợ 37.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông không yêu cầu bà Ng trả tiền lãi.

Bị đơn bà Đặng Thị Duy N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bà đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng bà Ng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Đỗ Hồng P vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Ng trả cho ông số tiền nợ 37.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Đặng Thị Duy N đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thời hạn xét xử chưa bảo đảm theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ là 37.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ mới cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn ông Đỗ Hồng P có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn bà Đặng Thị Duy N đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Bị đơn bà Đặng Thị Duy N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà Ng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà Đặng Thị Duy N đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu buộc bà Đặng Thị Duy N phải trả cho ông Đỗ Hồng P số tiền nợ là 37.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào sao kê tài khoản ngày 15/10/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong, lời khai của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam thì được biết số tài

khoản mà ông Đỗ Hồng P chuyển tiền đến đúng là số tài khoản của bà Đặng Thị Duy N, sinh ngày 08/02/1996, địa chỉ 106/38 Đỗ Năng Tế, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, có cơ sở xác định ông Đỗ Hồng P đã chuyển khoản cho bà Đặng Thị Duy N vay tổng số tiền 47.000.000 đồng, bằng 02 (hai) lần chuyển khoản, chuyển vào ngày 27/02/2024 chuyển 20.000.000 đồng và ngày 10/6/2024 chuyển 27.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả tiền. Bà Đặng Thị Duy N đã trả cho ông Đỗ Hồng P hai lần bằng phương thức chuyển khoản mỗi lần 5.000.000 đồng. Như vậy, bà Ng còn nợ ông Phúc số tiền là 37.000.000 đồng.

Ngày 30/10/2024 ông P đã có thông báo đòi nợ, yêu cầu bà Ng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải thanh toán nợ cho ông P, ngày 05/11/2024 ông P gửi thông báo này đến bà Đặng Thị Duy N. Như vậy giao dịch hai bên xác lập là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn quy định tại Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định khoản 1 Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Đến hạn trả nợ theo thông báo đòi nợ của ông P, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông P, như vậy bị đơn đã vi phạm thời hạn trả tiền. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà Đặng Thị Duy N phải trả khoản nợ 37.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán trong một thời gian dài nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Đặng Thị Duy N phải nộp án phí tính trên số tiền 37.000.000 đồng phải trả cho ông Đỗ Hồng P, án phí là 1.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hồng P.

2. Buộc bà Đặng Thị Duy N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Hồng P số tiền nợ 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng; trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Đặng Thị Duy N phải nộp 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông Đỗ Hồng P số tiền 1.562.500 (một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Đỗ Hồng P đã nộp theo biên lai thu số 0048799 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV9 –TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nga